TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2018
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTHT, sinh năm 1995

Nơi ĐKHK: Thôn NH, xã SĐ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện nay: Thôn ĐM, xã SĐ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: Anh PNTh, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn NH, xã SĐ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Th lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/10/2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị NTHT trình bày: chị kết hôn với anh Th vào ngày 03/10/2014, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ, huyện N. Kết hôn xong chị về chung sống cùng gia đình anh Th tại thôn Thôn NH, xã SĐ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được hơn 2 năm, đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th thường xuyên uống rượu say và chửi, đuổi chị ra khỏi nhà. Đến ngày 06/4/2017, chị về

nhà bố mẹ đẻ ở để vợ chồng có thời gian suy nghĩ, nhưng anh Th không những không thay đổi mà vẫn thường xuyên gọi điện chửi chị nên vợ chồng chị đã ly thân nhau từ đó cho đến nay anh. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh Th.

Con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là PGK, sinh ngày 08/12/2016. Cháu K đang ở với chị. Ly hôn, chị xin nuôi con, không yêu cầu anh Th đóng góp nuôi con chung cùng.

Tài sản chung: vợ chồng chị đã đóng được hội phường 10 tháng, mỗi tháng 3.000.000đ, tổng là 30.000.000đ. Trước và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T rút yêu cầu phân chia tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh PNTh quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bay quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh Th thì hiện nay anh Th đi chợ, buôn bán nay đây mai đó, thỉnh thoảng có mặt tại thôn NH, xã SĐ. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo giải quyết vụ án… cho anh Th, anh Th có biết việc chị T xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, cố tình dấu địa chỉ, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện N đã tống đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là chị T đã tuân thủ, đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là anh Th chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T và anh Th được ly hôn; con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung, xác nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Th đóng góp nuôi con chung cùng; tài sản chung: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Tr; tài sản riêng, công nợ, công sức: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa chị NTHT và anh PNT là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống cùng nhau nhưng không hòa thận, hành phúc. Chị T xác định anh Th thường xuyên uống rượu say về chửi, đuổi chị ra khỏi nhà.

Qua xác minh tại địa phương xã SĐ, làm việc với mẹ đẻ anh Th là bà LTL thì: vợ chồng anh Th và chị Tr mâu thuẫn với nhau là do chị Tr có quan hệ bất chính với người khác, không phải đạo làm vợ, làm con và tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ; gia đình đã khuyên bảo, tha thứ nhiều lần và cũng đã dàn xếp để vợ chồng hàn gắn nhưng chị Tr không nghe, rồi làm đơn xin ly hôn anh Th. Bản thân anh Th quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, tôn trọng nhau và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Nên cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Th để giải phóng cho các bên được sự.

[2] Về con chung: Xét cháu PGK, sinh ngày 08/12/2016 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị phân chia tài sản của vợ chồng là số tiền 30.000.000đ chơi phường. Nhưng trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của chị T.

Tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại chị Trang án phí yêu cầu phân chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: cho ly hôn giữa chị NTHT và anh PNTh.

[2] Về con chung: Giao cho chị NTHT trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu PGK, sinh ngày 08/12/2016. Sau khi ly hôn, anh PNTh không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị T và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung (là số tiền 30.000.000đ) của chị T.

Tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị NTHT phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ theo biên lai số: 0001418 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Trả lại chị Trang 200.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đát bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS N;*
- *UBND xã SĐ;*
- *Đương sự;*
-*Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công